

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI CĂN BẢN ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú giải Phạn Chú : HUYỀN THANH

ॐ नमो रत्नत्रयै

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

ॐ नमो अर्य अमिताभया नमो अर्य अरहाते नमो अर्य सम्यक्सम्बुद्धये

NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, A La Hán) SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

तद्यथा

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

ॐ

OM (Cảnh giác)

अमृते

AMRTE (Cam lộ)

अमृता

AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)

अमृता संभवे

AMṚTA (Cam Lộ) SAMBHAVE (Phát sinh)

अमृता गर्भे

AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)

अमृता सिद्धे

AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)

अमृता तेजे

AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)

अमृता विक्रान्ते

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)

अमृता विक्रान्ता गमिणे

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)

अमृता गगाने किरति करे

AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác làm, tạo tác)

अमृता दुन्दुभि स्वरे

AMṚTA (Cam Lộ) DUNḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm thanh)

सर्वार्थे

SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghỉ thức thành tựu)

सर्वे कर्मणि क्लेशान् क्षयित्वा

SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚĀA (Phiền não) KṢĀYAM (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)

स्वहा

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Hồi Cam Lộ ! Hiện lên Cam Lộ . Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dững mãnh, đạt đến Cam Lộ Dững Mãnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn”

